

Số: **18/KH-UBND**

Chi Lăng, ngày **25 tháng 02 năm 2020**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững thị trấn Chi Lăng năm 2020

Căn cứ Kế hoạch số **191/KH-UBND** ngày 19 tháng 04 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang thực hiện mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số **143/KH-UBND** ngày 28 tháng 04 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững huyện Tịnh Biên giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Kế hoạch số **42/KH-UBND** ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tịnh Biên về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 85-NQ/ĐU ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Đảng ủy thị trấn Chi Lăng về mức giảm hộ cận nghèo là 02 hộ so với dân số năm 2020;

Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận một cách tốt nhất về chương trình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, điều kiện sống, thông tin, bảo hiểm và trợ giúp xã hội*) để đẩy nhanh tốc độ giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo, hạn chế tái nghèo.

2. Việc giảm nghèo phải được thực hiện thường xuyên, đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả với nội dung, hình thức phù hợp; Đảm bảo hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo thực sự bền vững, vượt hẳn chuẩn nghèo, cận nghèo đa chiều; Không tái nghèo, tái cận nghèo, nâng mức sống khá, giàu để từng bước xóa dứt điểm hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn Thị trấn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2019

Kết quả giảm nghèo năm 2019 đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Hiện trên địa bàn Thị trấn còn 07 hộ nghèo, tỷ lệ 0,38%; 38 hộ cận nghèo, tỷ lệ 2,06%. Tuy nhiên công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững. Nguyên nhân do kinh tế - xã hội khó khăn, sự hỗ trợ của cộng đồng dân cư chưa tích cực và mang lại hiệu quả triệt để; bản thân người nghèo còn thiếu kiến thức, kinh nghiệm trong sản xuất; thiếu lao động, sử dụng vốn không hiệu quả, không có việc làm ổn định; gia đình có người

mắc tệ nạn xã hội; một bộ phận nhỏ hộ nghèo, hộ cận nghèo còn tư tưởng trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, cộng đồng.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

Thực hiện mục tiêu giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, góp phần quan trọng thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người dân, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, tiếp cận thông tin*), thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình giảm nghèo, Chương trình xây dựng đô thị văn minh và các chính sách Thị trấn đang thụ hưởng để hoàn thành mục tiêu giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Thường xuyên rà soát, thống kê, phân loại từng nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo để có giải pháp hỗ trợ.

- Vận động từ nguồn xã hội hóa và các chính sách an sinh xã hội để đảm bảo nhu cầu cơ bản cho người nghèo về ăn, mặc, ở, khám chữa bệnh và học tập, ưu tiên hộ nghèo người dân tộc thiểu số, trẻ em và phụ nữ nghèo.

- Thường xuyên phối hợp cùng trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên huyện mở các lớp nghề cho hộ nghèo, cận nghèo trong độ tuổi lao động được hỗ trợ đào tạo nghề và được giới thiệu việc làm phù hợp.

- Thường xuyên rà soát các hộ nghèo, cận nghèo đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn để đầu tư sản xuất, kinh doanh được hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi từ các chương trình, dự án vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Cán bộ chuyên môn, trưởng, phó khóm thường xuyên tham gia các lớp tập huấn do huyện, tỉnh tổ chức về kiến thức, kỹ năng quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội, dự án liên quan đến giảm nghèo.

- Rà soát, đề xuất hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg; nhà ở cho người có công với cách mạng theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và nhà ở tạm bợ từ các nguồn vận động hợp pháp khác.

3. Phân bổ chỉ tiêu cụ thể:

TT	Địa bàn	Hộ dân cuối năm 2019	Kế hoạch giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020											
			Hộ nghèo						Hộ cận nghèo					
			HN đầu năm 2020		Thoát HN		HN còn lại		HCN đầu năm 2020		Thoát HCN		HCN còn lại	
			Hộ	Tỷ lệ %	Hộ	Tỷ lệ %	Hộ	Tỷ lệ %	Hộ	Tỷ lệ %	Hộ	Tỷ lệ %	Hộ	Tỷ lệ %
1	Khóm 1	623	1	0,16			1	0,16	6	0,96	1	0,16	5	0,80
2	Khóm 2	546	1	0,18			1	0,18	13	2,38	5	0,91	8	1,46
3	Khóm 3	676	5	0,73	1	0,14	4	0,59	19	2,81	5	0,73	14	2,07
Cộng		1.845	7	0,37	1	0,05	6	0,32	38	2,05	11	0,59	27	1,46

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Xác định, phân loại đối tượng:

- 3 nhóm dựa trên danh sách hộ nghèo, cận nghèo đang quản lý tiến hành rà soát, phân loại cụ thể từng nhóm đối tượng như:

+ Nhóm thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản như: Y tế (*tiếp cận các dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế*), giáo dục (*trình độ giáo dục của người lớn, tình trạng đi học của trẻ em*), nhà ở (*chất lượng nhà ở, diện tích bình quân đầu người*), thông tin (*sử dụng dịch vụ viễn thông, tài sản phục vụ tiếp cận thông tin*), nước sạch và vệ sinh (*nguồn nước sinh hoạt, hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh*).

+ Có bao nhiêu hộ nghèo, cận nghèo trông chờ ỷ lại; tuổi đời dưới 40; mắc tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, bạo hành gia đình...).

+ Nhu cầu học nghề, tạo việc làm; nhu cầu về chăn nuôi, trồng trọt, mua bán nhỏ, nhu cầu về vốn vay đối với hộ đủ điều kiện.

- Ưu tiên hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo có khả năng thoát nghèo trong năm và phải đảm bảo các điều kiện như: Có lao động, có ý chí vươn lên, thành viên trong hộ có kiến thức cơ bản để tiếp cận các phương pháp trợ giúp, có phương án mua bán, chăn nuôi và có thể có phương tiện sản xuất.

2. Xác định nhu cầu để hỗ trợ:

- Thông qua các cuộc họp, các buổi đối thoại trực tiếp với hộ nghèo, cận nghèo tiến hành phân công lực lượng cán bộ phân loại từng nhóm hộ nghèo, cận nghèo để có giải pháp tổ chức thực hiện chặt chẽ.

- Kịp thời giám sát và hỗ trợ cho những hộ mới thoát nghèo hoặc dự kiến thoát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 để những hộ này có việc làm, sản xuất có hiệu quả giúp giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền trong nội bộ và nhân dân trên địa bàn tại các cuộc họp và trên loa truyền thanh Thị trấn để được sự ủng hộ và quyết tâm cao trong công tác giảm nghèo.

- Thường xuyên kiện toàn BÐH giảm nghèo và phân công nhiệm vụ từng thành viên phụ trách, hỗ trợ các nhóm thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo.

3. Phạm vi thực hiện

Chương trình được thực hiện trên phạm vi thị trấn, ưu tiên nguồn lực của Chương trình đầu tư cho nhóm đặc biệt khó khăn, nhóm có đông đồng bào dân tộc thiểu số khmer.

4. Thời gian thực hiện chương trình: Trong năm 2020

V. THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO:

1. Hỗ trợ ưu đãi tín dụng: Cùng với 3 nhóm thẩm định làm hồ sơ và phối hợp cùng NHCS xã hội huyện cấp tín dụng cho các hộ có nhu cầu vay để phát triển sản xuất, tăng thu nhập để cải thiện cuộc sống, vươn lên thoát nghèo (tối đa **100 triệu đồng/hộ nghèo**);

Tiếp tục rà soát cho vay hộ mới thoát nghèo (là những hộ mới thoát nghèo 03 năm gần nhất, ưu tiên hộ gia đình có chủ hộ là nữ) có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh (tối đa **100 triệu đồng/hộ thoát nghèo**); cho vay học sinh, sinh viên; vay vốn giải quyết việc làm;

Các hộ dân tộc thiểu số nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn sẽ được đề xuất cho vay vốn sản xuất theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 03 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 28/QĐ-TTg ngày 21 tháng 07 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo.

Thực hiện theo Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020.

2. Hỗ trợ y tế:

- Tiếp tục rà soát các hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2016 – 2020 đã được UBND huyện phê duyệt, tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo tiếp cận các dịch vụ y tế. Đảm bảo 100% người nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo Nghị định 62/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 07 năm 2009 về hướng dẫn thi hành một số điều của luật BHYT; Quyết định số 14/2012/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về khám, chữa bệnh cho người nghèo.

- Đảm bảo 100% hộ cận nghèo, thành viên hộ cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định (trong đó ngân sách Trung ương đảm bảo 70%, ngân sách tỉnh 30%) theo Quyết định số 289/2008/QĐ-TTg; Quyết định 797/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

3. Hỗ trợ giáo dục và đào tạo:

- Đối tượng hưởng lợi: Học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo.

- Nguồn vốn: Thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 62/2005/QĐ-TTg; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BLĐT BXH-BGDĐT-BTC ngày 31/12/2013; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg,... và các văn bản có liên quan khác.

Phối hợp cùng các trường kiểm tra lại danh sách học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo giai đoạn 2016 – 2020 đã được UBND huyện phê duyệt để được miễn giảm học phí, các khoản đóng góp khác và được hỗ trợ chi phí học tập...

Đối với hộ cận nghèo: học sinh, sinh viên được xem xét hỗ trợ chi phí học tập từ nguồn vận động Quỹ khuyến học.

Lập danh sách học sinh, sinh viên từ trung cấp chuyên nghiệp tới đại học thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn có thu nhập tối đa bằng **150%** chuẩn nghèo đề

ngộ Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn theo Quyết định 157/2007/QĐ-TTg về vay vốn học tập cho học sinh, sinh viên.

4. Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất, điện, nước sinh hoạt:

- Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có nhà ở tạm bợ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo sinh sống vùng ĐBKK.

- Nhà ở cho hộ nghèo: Tiến hành rà soát, lập danh sách hộ có nhu cầu về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg; nhà Tình thương, **đại đoàn kết, nhà tình bạn,**

+ Đối với hộ cận nghèo: Tập trung huy động nguồn lực xã hội hóa và sử dụng nguồn vận động của Mặt trận, các đoàn thể, các tổ chức xã hội từ thiện...

+ Đối với hộ dân tộc thiểu số thì kết hợp Quyết định 29, 33, 582 và các chương trình khác theo quy định.

- Tiếp tục nhận và cấp phát tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, hộ dân tộc thiểu số đúng quy định.

- **Thực hiện theo Quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 – 2020.**

5. Hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, tạo việc làm:

- Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo – cận nghèo, hộ có người khuyết tật có khả năng lao động, chủ hộ là phụ nữ,...

Thường xuyên cập nhật và phối hợp cùng trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp huyện mở các lớp đào tạo nghề miễn phí thông qua Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009, Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01 tháng 07 năm 2015 và Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thường xuyên phối hợp cùng các ban, ngành, đoàn thể, 03 khóm, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo làm việc tại các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp,...

- Tiếp tục rà soát, thống kê và đề xuất NHCS giải ngân từ nguồn vốn giải quyết việc làm tạo điều kiện cho hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo (kể cả xuất khẩu lao động) mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh vươn lên thoát nghèo bền vững.

6. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý:

Thường xuyên làm tốt công tác phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người nghèo trên các lĩnh vực.

7. Chính sách bảo trợ xã hội:

- Đối tượng thuộc khoản 3, 4, 5 điều 5 của Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ.

- Tiếp nhận và chi trả thường xuyên cho các đối tượng đúng quy định (trợ cấp thường xuyên và đột xuất, mai táng phí).

8. Xã hội hóa công tác giảm nghèo:

Thường xuyên phối hợp cùng ban, ngành, đoàn thể vận động các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm trong và ngoài địa phương hỗ trợ nhà ở, trợ cấp hàng tháng, học bổng, quà,... cho những hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo – thoát cận nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn Thị trấn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Thường xuyên phối hợp cùng các phòng, ban của huyện thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo năm 2020.

- Phối hợp Phòng Lao động – Thương binh Xã hội, Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Trung tâm giáo dục thường xuyên – giáo dục nghề nghiệp mở các lớp dạy nghề, tư vấn giới thiệu việc làm và cung ứng lao động cho các công ty, doanh nghiệp...

- Thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát nguồn lao động tại địa phương có nhu cầu đào tạo nghề, nhu cầu tìm việc làm, qua đó tuyên truyền vận động người lao động tham gia học nghề, đăng ký làm việc trong và ngoài tỉnh.

- Thường xuyên phối hợp các ban, ngành, đoàn thể, 3 nhóm tuyên truyền vận động để người lao động thấy được lợi ích của việc học nghề, có việc làm, nâng cao thu nhập cho bản thân và gia đình, từ đó tham gia học nghề và đăng ký việc làm tại các công ty trong và ngoài tỉnh.

- Đề nghị Ủy ban MTTQVN thị trấn và các ban, ngành, đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cán bộ, hội viên, đoàn viên và nhân dân chăm lo cho công tác giảm nghèo, tham gia học nghề, đăng ký làm việc trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động. Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác giảm nghèo năm 2020 đảm bảo đi vào thực chất, đúng đối tượng, công bằng, dân chủ.

- Duy trì việc bình nghị và biểu quyết bằng “**Phiếu kín**”.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững của UBND thị trấn Chi Lăng năm 2020./.

Nơi nhận:

- Phòng LĐTBXH huyện Tĩnh Biên;
- Đảng ủy TT;
- 03 Nhóm;
- Lưu: VT, XDGN.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thọ Lộc